

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 791/2025/DS-PT

Ngày: 16/12/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 425/2025/TLPT-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 717/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp X, xã N, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Thái Hoàng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 33/1 ấp K, xã Đ, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn:

+ Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

+ Bà Phan Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị L1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phan Thị Đ người đại diện uỷ quyền ông Thái Hoàng D trình bày:* Ngày 27/9/2020, bà Phan Thị Đ có cho bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T vay số tiền 310.000.000đồng, ngày 16/12/2023 bà Đ tiếp tục cho bà L, ông T vay tiếp số tiền 400.000.000đồng, để làm ăn, thời hạn mượn là 03 tháng, không quy định lãi suất. Khi mượn tiền, ông T và bà L không T chấp cho bà bất kì tài sản gì, giữa hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 27/9/2020 và 16/12/2023. Từ lúc mượn tiền đến nay, ông T và bà L không trả tiền gốc và lãi cho bà. Do vi phạm thời gian trả nợ nên bà có yêu cầu ông T và bà L trả nợ nhưng ông T và bà L cứ hện lần này đến lần khác cố tình lánh mặt làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Do đó, bà khởi kiện và yêu cầu ông Trịnh Minh T và bà Phan Thị L có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà với số tiền nợ gốc là 710.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất là 1.67%/tháng, tạm tính từ ngày 27/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm của số tiền vay gốc 310.000.000đồng với số tiền lãi là 170.841.000 đồng và số tiền vay 400.000.000đồng ngày 16/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi là 120.240.000đồng. Tại phiên tòa, ông Dũng thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông T và bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 710.000.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng Đối với số tiền 400.000.000 thời gian tính lãi suất từ ngày 16/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2025) là 20 tháng 3 ngày. Không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 310.000.000đồng.

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2025, biên bản ghi lời khai ngày 28/7/2025 và tại phiên tòa bị đơn là bà Phan Thị L trình bày:* Bà và ông Trịnh Minh T là vợ chồng, bà là em ruột bà Đ, bà thừa nhận có vay của bà Phan Thị Đ số tiền nhiều lần trong nhiều năm đến ngày 27/9/2020 chót lại là 310.000.000đồng, sau đó bà có trả cho bà Đ 100.000.000đồng tiền vay gốc và 20.000.000đồng tiền lãi suất, khi trả tiền bà trả cho bà Phan Thị L là em ruột của bà và bà Đ nhận thay, không có làm giấy tờ gì đến ngày 16/12/2023 chót lại tiền gốc và lãi của số tiền 310.000.000 đồng là 400.000.000 đồng, bà có viết giấy nợ và thừa nhận có nợ bà Đ tổng số tiền 400.000.000đồng, sau đó bà Đ mượn lại bản chính giấy nợ ngày 27/9/2020 đi khởi kiện bà tại biên bản hoà giải ngày 19/8/2024 bà Đ cũng xác định bà chỉ nợ tiền gốc bà Đ là 400.000.000đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà và ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 710.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà chỉ có nợ tổng cộng gốc và lãi là 400.000.000đồng. Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất tính từ ngày 16/12/2023 đến ngày 19/8/2025 với lãi suất 1,67% tháng là bà không đồng ý vì bà có trả tiền lãi cho bà Đ và trong số tiền 400.000.000đồng bà Đ có tính lãi trong đó nên bà không đồng ý. Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả cho bà Đ số tiền gốc là 400.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi suất.

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2025 ông Trịnh Minh T trình bày:* bà L và bà Đ là chị em ruột, việc bà Đ cho bà L vay mượn tiền thì ông không biết, đến khi bà

Đ đến nhà ông đòi nợ thì ông mới biết, nên ông không đồng ý trả số tiền 710.000.000 và lãi suất theo yêu cầu của bà Đ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L1 trình bày:* bà không biết việc vay mượn tiền giữa bà Đ và bà L và bà cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ phía bà L. Bà không tranh chấp gì trong vụ án này và xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án số 137/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân khu vực 3 - Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T.

2. Buộc bà Phan Thị L và ông Trịnh Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Đ số tiền là 466.732.000đồng (bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng). Trong đó, bao gồm số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là 66.732.000đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Đ về việc buộc bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T phải liên đới trả số tiền lãi là 66.732.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Đ về việc buộc bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T phải trả số tiền vay gốc 310.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2025 bà Phan Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận số tiền vay ngày 27/9/2020 là 310.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất số tiền 400.000.000 đồng với mức lãi suất là 1,67%/tháng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ là ông Thái Hoàng D trình bày: Bà Đ rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 310.000.000 đồng, chỉ yêu cầu xem xét phần lãi suất bản án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 400.000.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị sửa mức lãi suất là 1,67%/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của

Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Đ đã được thay đổi tại phiên tòa; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), sửa bản án sơ thẩm theo hướng: tính lại số tiền lãi mà bà L, ông T phải trả cho bà Đ với mức lãi suất 20%/năm; tính lại án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Đ được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T và bà Phan Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T và bà Phan Thị L1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Đ yêu cầu ông Trịnh Minh T và bà Phan Thị L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 710.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 27/9/2020 và giấy nợ ngày 16/12/2023 và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng, thời gian tính lãi suất đối với số tiền 400.000.000 thời gian tính lãi suất từ ngày 16/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2025) là 20 tháng 3 ngày.

Bà L thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 310.000.000 đồng và chốt lại gốc và lãi của số tiền 310.000.000 đồng là 400.000.000 đồng. Bà đồng ý cùng ông T trả cho bà Đ số tiền 400.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất.

Bản án sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 đã tuyên: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ; buộc bà L, ông T liên đới trả cho bà Đ số tiền vay gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 66.732.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà Đ đối với số tiền vay gốc 310.000.000 đồng.

Bà Phan Thị Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Tuy nhiên tại phiên phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Đ rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 310.000.000 đồng; chỉ kháng cáo về mức lãi suất của số tiền 400.000.000 đồng của Tòa án cấp sơ thẩm, cụ thể yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Đ thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Đ rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc bà L, ông T trả số tiền vốn là 310.000.000 đồng, xét thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của bà Đ là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bà Đ buộc bà L, ông T trả số tiền 310.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đ về việc tính lãi suất của số tiền 400.000.000 đồng của Tòa án cấp sơ thẩm, cụ thể yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, bà L thừa nhận nội dung của giấy nợ ngày 16/12/2023 phần trước chữ ký là do bà ghi nên có căn cứ xác định các bên đã thống nhất mức lãi suất là 11.000.000 đồng/tháng trên số tiền 400.000.000 đồng tương đương 2,75%/tháng là vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần xác định lại mức lãi suất bà L phải chịu là 1,67%/tháng nhưng Bản án sơ thẩm xác định mức lãi suất 0,83%/tháng là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ. Vì vậy, kháng cáo của bà Đ về tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi được tính lại như sau $400.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% / \text{tháng} \times 20 \text{ tháng} \times 3 \text{ ngày} = 134.267.999 \text{ đồng}$ (làm tròn 134.268.000 đồng).

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Đ là có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ yêu cầu kháng cáo phúc thẩm của bà Phan Thị Đ buộc bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T trả số tiền 310.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Đ.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T.

2. Buộc bà Phan Thị L và ông Trịnh Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Đ số tiền là 534.268.000 đồng (năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Trong đó, bao gồm số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là 134.268.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Đ về việc buộc bà Phan Thị L, ông Trịnh Minh T phải trả số tiền vay gốc 310.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Bà Phan Thị L phải chịu 12.685.360 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trịnh Minh T là người cao tuổi được miễn tiền án phí.

Bà Phan Thị Đ là người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 3-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Dương Thúy Hằng